TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHONG ĐIỀN** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **48** /2022/QĐST-HNGĐ	*Phong Điền, ngày 07 tháng 6 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 19/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị H, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn V, xã P, huyện PĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- *Bị đơn:* Anh Trần Xuân B, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn V, xã P, huyện PĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 59, 62, 81, 82, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 5 năm 2022,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 5 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Võ Thị H với anh Trần Xuân B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giao cháu Trần Tấn Anh K, sinh ngày 26-10-2012 cho chị Võ Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục từ khi ly hôn đến khi thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. Về cấp dưỡng: Anh Trần Xuân B có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ hàng tháng nuôi cháu Trần Tấn Anh K số tiền là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), kể từ khi ly hôn đến khi thành niên.

2.3. Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản:

- Về tài sản: Anh Trần Xuân B và chị Võ Thị H thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng như sau:

+ Quyền sử dụng thửa số 370, tờ bản đồ số 78; địa chỉ tại thôn H, xã P, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế; diện tích 650,3 m^2; mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn 170 m^2, đất trồng cây lâu năm 480,3 m^2; nguồn gốc được tặng cho; được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 7xxxxx ngày 22-6-2021; trị giá 750.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu đồng).

+ Ngôi nhà ở, cấp 4, diện tích 160 m^2, kết cấu bê tông cốt thép, tọa lạc trên thửa đất nêu trên; trị giá 750.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu đồng).

Tổng giá trị nhà, đất 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng) chia cho mỗi bên một nửa giá trị là 750.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu đồng).

Giao chị Võ Thị H hiện vật là quyền sử dụng thửa đất 370, tờ bản đồ số 78, diện tích 650,3 m^2 và quyền sở hữu ngôi nhà ở, loại nhà cấp 4, diện tích 160 m^2; địa chỉ tại thôn H, xã P, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Chị Võ Thị H có nghĩa vụ thanh toán số tiền chênh lệch giá trị tài sản được chia cho anh Trần Xuân B nhận là 750.000.000 (Bảy trăm năm mươi triệu đồng); thời hạn hoàn thành nghĩa vụ là 03 tháng, kể từ ngày quyết định ly hôn có hiệu lực.

Trường hợp bên có nghĩa vụ vi phạm nghĩa vụ trả tiền thì kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

2.4. Về án phí sơ thẩm:

- Chị Võ Thị H chịu án phí thuận tình ly hôn là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí chia tài sản là 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng), tổng cộng 17.150.000 đồng (Mười bảy triệu một trăm năm mươi nghìn đồng; trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2021/000YYYY ngày 02-03-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế; chị H còn phải nộp 16.850.000 đồng (Mười sáu triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

- Anh Trần Xuân B chịu án phí cấp dưỡng là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí chia tài sản là 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng), tổng cộng 17.150.000 đồng (Mười bảy triệu một trăm năm mươi nghìn đồng); trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 33.000.000 đồng (Ba mươi ba triệu đồng) theo Biên lai thu số AA/2021/000XXXX ngày 21-3-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế; hoàn trả lại cho anh B số tiền 15.850.000 đồng (Mười lăm triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phong Điền;
- CCTHADS huyện Phong Điền;
- UBND xã P, Phong Điền, Thừa Thiên Huế;
(ĐKKH số AA ngày DD-7-2011)
- Lưu hồ sơ, HNGĐ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Văn Trường